TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2018/DS-ST
Ngày: 27-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 218/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố H
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T; Địa chỉ: Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố H; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2018)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G
Địa chỉ: phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông T và bà G vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Trường T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) và bà Nguyễn Thị Ngọc G ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, nội dung: Ngân hàng S đồng ý cấp cho bà G thẻ tín dụng Visa, hạn mức tài khoản thẻ

là 18.000.000 đồng, thẻ không thời hạn, không thế chấp; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất 2.5%/tháng

Sau khi được cấp thẻ, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.500.000 đồng và đã thanh toán tổng cộng 25.650.343 đồng, trong đó: gốc 5.634.292 đồng, lãi 16.998.875 đồng và phí 3.017.176 đồng. Từ 23/9/2016, bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nợ.

Ngày 23/01/2017, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Giàu và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới là 11.865.708 đồng và tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn là 2.5% x 150% = 3.75%/tháng.

Tính đến ngày 15/10/2018, bà G còn nợ Ngân hàng S tổng cộng là 21.224.700 đồng, trong đó, gốc 11.865.708 đồng và lãi 9.358.992 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà G thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 15/10/2018 là 21.224.700 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 16/10/2018 cho đến khi bà G thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G: Dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà G phải thanh toán tính đến ngày 27/11/2018 là 21.862.476 đồng, trong đó: gốc 11.865.708 đồng và lãi 9.996.768 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 28/11/2018 cho đến khi bà G thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S yêu cầu bà G thanh toán số tiền vay còn nợ và bà G cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Ông T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Tvà bà G.

* Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 29/01/2013 kèm bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa bà Nguyễn Thị Ngọc G và Ngân hàng S; Thông báo về việc thay đổi lãi suất; Bảng tóm tắt sao kê tài khoản và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: Quan hệ vay tài sản giữa bà G và Ngân hàng S là có thật và hợp pháp. Các bên thỏa thuận: Ngân hàng S cấp cho bà G thẻ tín dụng với hạn mức 18.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà G đã thực hiện các giao dịch từ thẻ với tổng số tiền 17.500.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng S được 25.650.343 đồng, trong đó: gốc 5.634.292 đồng, lãi 16.998.875 đồng và phí 3.017.176 đồng. Từ ngày 23/9/2016, bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ. Ngày 23/01/2017, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà G và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới là 11.865.708 đồng và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng. Tính đến ngày 27/11/2018, tổng số tiền bà G còn nợ là 21.862.476 đồng, trong đó: gốc 11.865.708 đồng và lãi quá hạn 9.996.768 đồng.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà G vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà G không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng S là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng và các quy định của pháp luật. Căn cứ các điều 22, 23 và Điều 24 Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà G có trách nhiệm thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 27/11/2018 là 21.862.476 đồng, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng S. Lãi tiếp tục tính từ ngày 28/11/2018 cho đến khi bà G thanh toán hết nợ gốc.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 21.862.476 đồng x 5% = 1.093.124 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Bà Nguyễn Thị Ngọc G có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền vay còn nợ là 21.862.476 (Hai mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng, trong đó: gốc 11.865.708 (Mười một triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ tám) đồng và lãi 9.996.768 (Chín triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi tám) đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 29/01/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Ngọc G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 1.093.124 (Một triệu không trăm chín mươi ba ngàn một trăm hai mươi bốn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc G chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 464.615 (Bốn trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm mười lăm) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0039219 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Dương Thúy Quỳnh